



**TRUNG TÂM TƯ VẤN
VÀ HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP**

GIÁ CẢ NÔNG SẢN TẠI CHỢ HÓC MÔN

(Ngày 06/6/2018)

STT	Tên sản phẩm	Nguồn hàng	Giá cả thị trường (VNĐ/kg)
1	Su su	Đà Lạt	6.000
2	Cải thảo	"	10.000
3	Bó xôi	"	20.000
4	Xà lách gai	Đà Lạt	15.000
5	Xà lách búp	"	10.000
6	Xà lách xoang (bỏ)	"	7.000
7	Xà lách xoang (bịch)	"	
8	Bắp cải	"	4.000
9	Bắp cải tím	Đà Lạt	
10	Cà chua	Đà Lạt	12.000
11	Bông cải trắng	H. Nội	
12	Rau tần ô	Đà Lạt	15.000
13	Cà rốt (cọng tím)	Đà Lạt	12.000
14	Cà rốt	H. Nội	
15	Củ cải	Đà Lạt	5.000
16	Củ cải	Củ Chi, Tây Ninh	
17	Su hào	Đà Lạt	7.000
18	Su hào	H. Nội	
19	Đậu Hà Lan	Đà Lạt	60.000
20	Đậu que	Đà Lạt	14.000
21	Đậu que	Củ Chi, Tây Ninh	15.000
22	Bí đỏ (tròn)	Tây Nguyên	9.000
23	Bí đỏ (đậu)	Miền Đông	7.000
24	Củ dền	Đà Lạt	5.000
25	Bầu	Củ Chi, Tây Ninh	6.000
26	Bí đao	"	9.000
27	Khổ qua	"	9.000
28	Dưa leo	"	13.000
29	Ốt sùng	Bến Tre	30.000

30	Ốt hiểm	Củ Chi, Tây Ninh	23.000
31	Chanh giấy	Miền Tây	17.000
32	Chanh không hạt	Miền Tây	15.000
33	Đậu bắp	Củ Chi, Tây Ninh	10.000
34	Cà tím	"	8.000
35	Rau muống	TP.HCM	4.000
36	Nấm rơm trắng	Miền Tây	60.000
37	Nấm rơm đen	Miền Tây	60.000
38	Hành trắng	Đà Lạt	8.000
39	Hành đỏ	Vĩnh Châu	28.000
40	Cải bẹ xanh	TP.HCM	15.000
41	Cải thìa	Miền Tây	9.000
42	Cải ngọt	"	15.000
43	Rau quế	"	23.000
44	Rau nhút	TP.HCM	9.000
45	Cam sành	Miền Tây	17.000
46	Quýt đường	Miền Tây	30.000
47	Quýt tiêu	Đồng Tháp	
48	Bưởi 5 roi	Miền Tây	25.000
49	Bưởi da xanh	"	50.000
50	Xoài cát chu	"	12.000
51	Xoài cát Hòa Lộc	"	30.000
52	Dưa hấu dài	Miền Tây	9.000
53	Đu đủ	"	8.000
54	Chuoối sứ	"	9.000
55	Chuoối già	"	6.500
56	Mãng cầu trái Na	Tây Ninh	35.000
57	Mãng cầu xiêm	Miền Tây	
58	Nho đỏ	Phan Rang	25.000
59	Thanh long	Bình Thuận	20.000
60	Thơm	Tiền Giang	7.000
61	Heo mảnh loại 1		63.000
62	Heo mảnh loại 2		59.000
63	Heo hơi loại 1	CP	48.000
64	Heo hơi loại 2	CP	46.000
65	Đùi rọ		63.000
66	Sườn non		115.000
67	Cốt lết		65.000
68	Nạc dăm		70.000
69	Giò trước		63.000